TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HS-ST
Ngày 30-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2024/HSST ngày 04 tháng 01 năm 2024 theo Quyết đinh đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST–HS ngày 16 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Cường Q, sinh năm 1984 tại tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố PN, phường HL, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: Khu phố PN, phường HL, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1956; bị cáo có 06 anh em, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1993; có vợ là bà Nguyễn Phạm Kim A, sinh năm 1978 (đã ly hôn) và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 27/11/2007, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xử phạt 07 năm tù về tội cướp tài sản. Chấp hành xong án phí ngày 28/3/2008, hình phạt tù ngày 31/8/2013.

Ngày 13/6/2023, Lê Cường Q đầu thú, tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Tổ dân phố hc, Thị trấn th, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hoà; địa chỉ tạm trú: Khu phố AH, phường HL, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Mậu L, sinh năm 1987; địa chỉ thường trú: Khu phố 3B, phường TH, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1956; địa chỉ thường trú: Khu phố PN, phường HL, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Bà Hồ Kim N, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Tổ dân phố HC, thị trấn TH, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hoà; địa chỉ tạm trú: Khu phố AH, phường HL, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Quỳnh P, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: Tổ dân phố HC, thị trấn TH, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hoà; địa chỉ tạm trú: Khu phố AH, phường HL, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Phạm Kim A, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: Ấp TN, xã TN, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

5. Ông Lê Văn Hùng V, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Số 85E, LQX, Phường X2, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/11/2007, Lê Cường Q bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 năm tù về tội Cướp tài sản. Sau khi chấp hành xong án tù, Q về sống cùng với gia đình thì nghe bà Nguyễn Thị Y là mẹ ruột của Q nói sau này sẽ chia cho Q 1/3 diện tích thửa đất số 837, tờ bản đồ số 31 với diện tích là 310,3m^2 tại Khu phố PN, phường HL, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Q xem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Q có chụp lưu hình ảnh vào điện thoại di động hiệu Iphone 6s của mình.

Khoảng đầu tháng 12/2021, Q cần tiền tiêu xài nên yêu cầu bà Y chia cho Q 1/3 thửa đất số 837, tờ bản đồ số 31 để Q bán lấy tiền tiêu xài nhưng bà Y không đồng ý. Lúc này, Q nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối chào bán đất, nhận tiền cọc để lấy tiền tiêu xài. Từ ngày 31/12/2021 đến ngày 21/3/2022, Q đã chiếm đoạt số tiền của 02 người với tổng số tiền 350.000.000 đồng cụ thể như sau:

- Ngày 31/12/2021, Q chào bán thửa đất số 837, tờ bản đồ số 31 cho ông Nguyễn Minh T với giá 2.400.000.000 đồng. Q đưa cho ông T xem hình chụp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 837, tờ bản đồ số 31 trong điện thoại của Q. Ông T thấy bà Y là mẹ của Q đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên thắc mắc thì Q nói dối với ông T là bà Y đã cho Q thửa đất trên, đồng thời cam kết bà Y sẽ hợp tác ký sang tên chuyển nhượng. Ông T nghe vậy nên tin tưởng và đồng ý mua. Sau đó, T đặt cọc số tiền 150.000.000 đồng cho Q và hẹn đến ngày 31/3/2022 sẽ đến Văn phòng công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng, rồi ông T sẽ giao số tiền còn lại. Việc giao nhận tiền và lập hợp đồng đặt cọc vào ngày 31/12/2021 có sự chứng kiến của vợ ông T là bà Hồ Kim N.

- Đầu tháng 3/2022, Q tiếp tục chào bán thửa đất số 837, tờ bản đồ số 31 cho ông Nguyễn Mậu L với giá 1.600.000.000 đồng. Q cũng cho ông Li xem hình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính trong điện thoại của Q và dẫn ông L đi xem đất. Ông L có yêu cầu gặp bà Y nhưng Q không cho gặp mà chỉ đưa số điện thoại 0877.332.080 cho ông L gọi. Khi ông L liên hệ số điện thoại 0877.332.080 thì gặp một người nữ (chưa rõ lai lịch) tự xưng là mẹ của Q trả lời đồng ý cho Q bán đất và nói ông L cứ giao tiền cọc cho Q. Lúc này, ông L tin tưởng nên đồng ý mua đất thì Q yêu cầu ông L chuyển số tiền 20.000.000 đồng vào tài khoản 65610000265678 Ngân hàng BIDV do bà Nguyễn Phạm Kim A là vợ của Q đứng tên, vì Q đang ở Phú Q, sau khi về sẽ đến gặp ông L làm giấy hợp đồng đặt cọc đầy đủ. Thời điểm này, ông L đang ở nhà tại khu phố 3B, phường TH, thị xã Bến Cát và đã chuyển khoản số tiền 20.000.000 đồng từ tài khoản số 1430107909999 Ngân hàng MB do ông L làm chủ đến tài khoản do Q cung cấp. Đến ngày 19/3/2022, Q tiếp tục gọi điện thoại yêu cầu ông L chuyển thêm cho Q 10.000.000 đồng thì ông L đồng ý chuyển tiền cho Q. Trong khoảng thời gian từ ngày 11/3/2022 đến ngày 19/3/2022, Q có gặp ông L tại quán cà phê HANA thuộc khu phố X8, phường CPH, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Q yêu cầu ông L đưa thêm tiền cọc đất 20.000.000 đồng thì ông L đồng ý và đưa tiền mặt cho Q. Đến ngày 21/3/2022, ông L gọi điện cho Q muốn được gặp để lập hợp đồng đặt cọc thì Q cho biết đang ở nhà vợ ở ấp TN, xã TH, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên ông L đã đến gặp Q ở một quán cà phê thuộc khu vực xã TH, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Tại đây, Q yêu cầu ông L chuyển thêm cho Q số tiền 100.000.000 đồng rồi sẽ lập hợp đồng đặt cọc mua bán thửa đất số 837, tờ bản đồ số 31. Ông L đồng ý và nói vợ là bà Nguyễn Thị Quỳnh P sử dụng số tài khoản 0010131071707 Ngân hàng MB chuyển đến tài khoản số 65610000265678 Ngân hàng BIDV cho Q. Sau đó, ông L và Q lập 01 tờ hợp đồng đặt cọc mua bán đất với số tiền đã nhận là 150.000.000 đồng. Đến ngày 03/4/2022, Q hẹn gặp ông L tại một quán cà phê không tên ở khu phố PN, phường HL, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Q yêu cầu ông L đưa thêm 50.000.000 đồng tiền cọc thì ông L đồng ý và nói bà P sử dụng số tài khoản 0010131071707 Ngân hàng MB chuyển số tiền 50.000.000 đồng đến tài khoản số 65610000265678 cho Q. Sau đó, Q và ông L thống nhất huỷ bỏ hợp đồng đặt cọc số tiền 150.000.000 đồng vào ngày

21/3/2022 rồi lập 01 hợp đồng đặt cọc mới với tổng số tiền cọc là 200.000.000 đồng đề ngày 21/3/2022 và hẹn đến ngày 30/5/2022 đi công chứng.

Đến ngày hẹn, ông T và ông L liên hệ Q đi công chứng nhưng Q cố ý lẩn tránh nên ông T và ông L đến Công an phường HL tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Q. Sau đó, vụ việc được chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thị xã Bến Cát giải quyết theo thẩm quyền.

Đến ngày 13/6/2023, Lê Cường Q đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Q khai số tiền mà ông Nguyễn Mậu L chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Phạm Kim A thì bà A không biết tiền do Lê Cường Q chiếm đoạt được mà có; sau khi tiền được chuyển vào tài khoản của bà A thì Q đã yêu cầu bà A rút hết giao lại cho Q và Q đã sử dụng tiêu xài hết.

Quá trình điều tra xác minh xác định: Số điện thoại 0877.332.080 mà ông Nguyễn Mậu L khai nhận do Lê Cường Q cung cấp để gọi cho bà Y, do ông Lê Văn Hùng V đứng tên đăng ký, nhưng ông V không biết việc có đăng ký và sử dụng số điện thoại này.

Vật chứng thu giữ:

- 01 hợp đồng đặt cọc và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Nguyễn Thị Y (photo) của Nguyễn Minh T.

- 01 hợp đồng đặt cọc, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Nguyễn Thị Y, 01 giấy đăng ký kết hôn, 04 bản chuyển tiền (photo) và 01 USB màu đen của Nguyễn Mậu L.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s, màu xám sim số 0377.725.777 của Lê Cường Q.

- 01 USB màu đen.

Theo Kết luận giám định số: 414/KL-KTHS(TL) ngày 19/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận: Chữ ký và chữ viết họ tên Lê Cường Q trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký và chữ viết họ tên của Lê Cường Q trên tài liệu mẫu do cùng một người viết ra.

Tại bản Cáo trạng số 23/CT-VKSBC ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát đã truy tố bị cáo Lê Cường Q về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát và nội dung bản Cáo trạng số 23/CT-VKSBC ngày 04 tháng 01 năm 2024.

Tại phần tranh luận:

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát trình bày luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát theo Cáo trạng số 23/CT-VKSBC ngày 04 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo Lê Cường Q về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Cường Q từ 10 (mười) đến 11 (mười một) năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự, tuyên Lê Cường Q trả lại tiền đã chiếm đoạt cho ông Nguyễn Minh T và ông Nguyễn Mậu L theo quy định.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s, màu xám (máy bị trầy xước, không kiểm tra được Model, số IMEI, tại thời điểm giao nhận máy không khởi động được).

Tịch thu tiêu huỷ: 01 sim số 0377.725.777 (Seri số 8984048000301790635).

Phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận, thống nhất với tội danh, điều luật và mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát truy tố và đề nghị.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật hình sự nên đồng ý với quyết định truy tố của Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng: Quá trình điều tra, người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Cường Q tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại,

lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, do đó có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 31/12/2021 đến ngày 03/4/2022, tại địa bàn thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Lê Cường Q đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối, nói dối thửa đất số 837, tờ bản đồ số 31 với diện tích là 310,3m^2 tại Khu phố PN, phường HL, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương là của mình và đã nhận tiền cọc bán đất chiếm đoạt của ông Nguyễn Minh T số tiền 150.000.000 đồng và ông Nguyễn Mậu L số tiền 200.000.000 đồng. Tổng số tiền mà Lê Cường Q chiếm đoạt là 350.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số 23/CT-VKSBC ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo với tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, phù hợp với hành vi thực tế mà bị cáo đã gây ra.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tính chất: Việc bị cáo bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của bị hại là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực bàu trách nhiệm hình sự, có sức khỏe tốt, có đủ điều kiện nuôi sống bản thân nhưng vì bản chất tham lam, lười lao động nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để phục vụ cho nhu cầu cá nhân. Về nhận thức, bị cáo hoàn toàn biết hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do đó, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo còn gây mất trật tự, trị an tại địa phương.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo ra đầu thú nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Về nhân thân: Bị cáo đã từng bị Tòa án kết án về tội cướp tài sản. Mặc dù, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích nhưng bị cáo không biết ăn năn hối cải mà vẫn tiếp tục phạm tội. Do đó, cần cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, cần có hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Đối chiếu với những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo và giáo dục trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật và mức hình phạt của bị cáo là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Minh T yêu cầu bị cáo trả số tiền đã chiếm đoạt 150.000.000 đồng và bị hại ông Nguyễn Mậu L yêu cầu bị cáo trả số tiền đã chiếm đoạt 200.000.000 đồng. Tại phiên toà bị cáo đồng ý trả theo yêu cầu của các bị hại nhưng hiện nay bị cáo chưa hoàn trả. Vì vậy, căn cứ vào Điều 46; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình Sự; các Điều 357, 468, 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự, cần buộc bị cáo có nghĩa vụ trả lại số tiền 150.000.000 đồng cho ông Nguyễn Minh T và 200.000.000 đồng cho ông Nguyễn Mậu L là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s, màu xám của Lê Cường Q: Đây là tài sản hợp pháp của bị cáo, bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 sim số 0377.725.777: Đây là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ.

[7] Đối với hành vi của bà Nguyễn Phạm Kim A, sau khi nhận tiền vào tài khoản, bà Ánh không biết tiền do Lê Cường Q chiếm đoạt được mà có; Q đã yêu cầu bà Ánh rút toàn bộ số tiền giao lại cho Q nên Cơ quan điều tra không tiến hành xử lý là có căn cứ.

[8] Đối với sim số điện thoại 0877.332.080 do ông Lê Văn Hùng Vương đứng tên đăng ký, nhưng ông Vương không biết việc có đăng ký và sử dụng số điện thoại này nên nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xử lý là có căn cứ.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Cường Q phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Về hình phạt: Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Cường Q 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/6/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 46; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 357, 468, 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lê Cường Q phải trả cho ông Nguyễn Minh T số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và trả cho ông Nguyễn Mậu L số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là ông Nguyễn Minh T và ông Nguyễn Mậu L cho đến khi thi hành án xong, bị cáo Lê Cường Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án xong.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s, màu xám (máy bị trầy xước, không kiểm tra được Model, số IMEI, tại thời điểm giao nhận máy không khởi động được).

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 sim số 0377.725.777 (Seri số 8984048000301790635).

(Vật chứng được thể hiện tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát giữa Công an thị xã Bến Cát và Chi cục Thi hành án dân thị xã Bến Cát)

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Cường Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 17.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án

dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kiều Oanh